

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH**

Số: **20** /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lộc Ninh, ngày 28 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về Dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số 61 /BKT-XH ngày 04/12/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh là: 504.874 triệu đồng

Trong đó:

- | | |
|--------------------------|--------------------|
| a. Công trình xây dựng: | 65.985 triệu đồng |
| b. Công trình giao thông | 335.501 triệu đồng |
| c. Công trình giáo dục | 76.488 triệu đồng |

d. Công trình điện

15.900 triệu đồng

g. Công trình thủy lợi

11.000 triệu đồng

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh khóa X, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử trên địa bàn huyện;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ và đại biểu HĐND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Cường

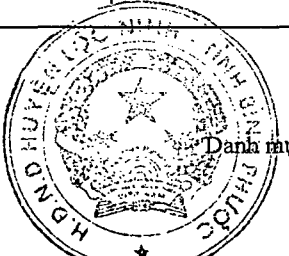


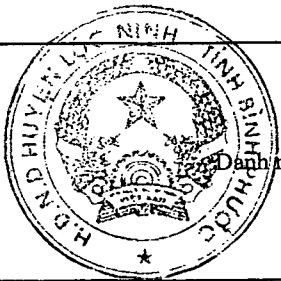
ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của HĐND huyện Lộc Ninh)

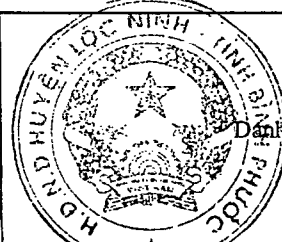
Đơn vị: Triệu đồng.

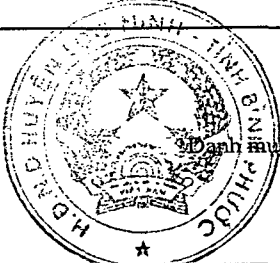
TT	 *Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015						Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế giải ngân		Kế hoạch năm		Ước giải ngân				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		Tổng số		Tổng số				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=9+11	14=10+12	15	16	17
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020													504.874	504.874	
I	Công trình xây dựng													65.985	65.985	
1	SLMB, cổng, hàng rào, nhà bảo vệ Trung tâm bồi dưỡng chính trị	TTLN												1.000	1.000	
2	XD trụ sở, hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị	TTLN												9.000	9.000	
3	Nhà làm việc và kho lưu trữ Huyện ủy Lộc Ninh	TTLN												6.900	6.900	
4	Nhà làm việc Ban CHQS và Ban Công an xã Lộc An	TTLN												837	837	
5	Hội Trường C31 Lộc An	TTLN												1.950	1.950	
6	Nhà làm việc Lực lượng dân quân thường trực xã Lộc Hưng	Lộc Hưng												986	986	
7	Nhà làm việc Lực lượng dân quân thường trực Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	Lộc Hòa												1.234	1.234	
8	Nhà bia tưởng niệm xã Lộc Hưng	Lộc Hưng												1.350	1.350	
9	Kho lưu trữ Phòng Tài chính - Kế hoạch	TTLN												1.100	1.100	
10	Kho đạn Đại đội bộ binh C31 (cấp bách)	Lộc An												950	950	
11	Hội trường UBND xã Lộc Hưng	Lộc Hưng												2.885	2.885	
12	Phòng làm việc một cửa xã UBND Lộc Hòa	Lộc Hòa												1.076	1.076	
13	Nhà làm việc Công an UBND xã Lộc An	Lộc An												1.800	1.800	
14	XD Nhà văn hoá ấp 6,7,8 xã Lộc Thuận	Lộc Thuận												1.500	1.500	
15	XD Nhà văn hoá ấp 3, xã Lộc Điền	Lộc Điền												500	500	
16	XD 16 phòng khám bệnh Trung tâm y tế huyện	TTLN												9.000	9.000	
17	XD Nhà văn hoá ấp Cầm Lê, xã Lộc Khánh	Lộc Khánh												500	500	
18	Nhà làm việc Công an; Ban chỉ huy quân sự; nhà bếp, nhà ăn, nhà nghỉ Lực lượng dân quân xã Lộc Hòa	Lộc Hòa												4.250	4.250	
19	SLMB, hàng rào Công an huyện Lộc Ninh (mới)	TTLN												4.300	4.300	
20	04 phòng khoa lấy nhiễm Bệnh viện Đa khoa	TTLN												4.000	4.000	
21	Trụ sở Liên Đoàn lao động	TTLN												900	900	
22	Hàng rào, nhà bảo vệ Huyện ủy Lộc Ninh	TTLN												1.104	1.104	
23	San lấp mặt bằng XD trụ sở Công an huyện	TTLN												2.000	2.000	
24	Nhà làm việc Lực lượng dân quân thường trực xã Lộc Hiệp	Lộc Hiệp												1.028	1.028	
25	Hội trường UBND xã Lộc Tấn	Lộc Tấn												2.972	2.972	
26	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Thái	Lộc Thái												419	419	
27	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Quang	Lộc Quang												800	800	

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015						Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lũy kế giải ngân		Kế hoạch năm		Ước giải ngân		Tổng số			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
28	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Tân	Lộc Tân													699	699	
29	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Hiệp	Lộc Hiệp													-	-	
30	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Phú	Lộc Phú													-	-	
31	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc An	Lộc An													-	-	
32	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Hòa	Lộc Hòa													-	-	
33	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Thạnh	Lộc Thạnh													-	-	
34	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Thành	Lộc Thành													-	-	
35	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Thiện	Lộc Thiện													-	-	
36	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Điền	Lộc Điền													-	-	
37	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Hưng	Lộc Hưng													-	-	
38	Nhà bảo vệ, hàng rào UBND xã Lộc Khánh	Lộc Khánh													-	-	
39	Nhà bảo vệ, hàng rào, kê đá UBND xã Lộc Thuận	Lộc Thuận													945	945	
II	Công trình giao thông														335.501	335.501	
1	Mở rộng đường Nguyễn Tất Thành, T.Trần Lộc Ninh đi xã Lộc Thiện (từ Trường THPT Lộc Ninh đến cầu ông Chương ấp 11B, xã Lộc Thiện)	TTLN- Lộc Thiện													14.550	14.550	
2	XD Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An	Lộc Hiệp- Lộc An													17.000	17.000	
3	Đường nhựa Lộc Thái - Lộc Điền	Lộc Thái- Lộc Điền													4.700	4.700	
4	XD đường bê tông (Lý Tự Trọng, Trần Hưng Đạo và đường 7/4), thị trấn Lộc Ninh	TTLN													2.183	2.183	
5	Giao thông hào 06 Chốt Dân quân biên giới	h.LN													1.100	1.100	
6	Cống hộp áp 8, xã Lộc Điền	Lộc Điền													4.003	4.003	
7	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận	Lộc Hiệp- Lộc Thuận													4.937	4.937	
8	Đường nhựa khu tái định cư lòng hồ Phước Hòa, ấp Càn Dục, xã Lộc Thành	Lộc Thành													3.700	3.700	
9	Đường từ QL13 đi ấp 3, xã Lộc Thái	Lộc Thái													3.038	3.038	
10	Hỗ trợ đầu tư đường tuần tra biên giới Chiù Riu-Tà Nốt và đường từ QL 13 vào nhà văn hóa huyện Lộc Ninh	Lộc Thạnh													3.800	3.800	
11	Láng nhựa đường định canh, định cư xã Lộc Thành	Lộc Thành													2.500	2.500	
12	Mở rộng đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Ninh (từ Thanh tra huyện đến Trường THPT Lộc Ninh)	TTLN													5.000	5.000	
13	Mở rộng đường Tôn Đức Thắng đi UBND thị trấn Lộc Ninh (nối dài)	TTLN													3.000	3.000	
14	Đường qua khu quy hoạch bán đấu giá đất tại trung tâm xã Lộc Thạnh	Lộc Thạnh													5.000	5.000	



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015						Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế giải ngân		Kế hoạch năm		Ước giải ngân		Tổng số			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
15	Đường từ ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54 xã Lạc Thiện	Lạc Thiện													40.000	40.000	
16	Đường giao thông từ ấp Chàng Hai, xã Lạc Quang đi nhà máy mỳ xã Lạc Phú	Lạc Quang													5.000	5.000	
17	Đường giao thông liên xã Lạc Điền - Lạc Quang (đoạn ngã ba cây gạo ấp 9, xã Lạc Điền đi xã Lạc Quang)	Lạc Điền - Lạc Quang													19.000	19.000	
18	Đường liên xã Lạc Thịnh - Lạc Khánh (đoạn từ ấp Hưng Thủy đi ngã ba đường Đồng Tâm - Lạc Khánh)	Lạc Thịnh													4.160	4.160	
19	Đường từ ấp Hưng Thủy đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ ngã ba nhà bà Hồ Thị Phú đến đường Đồng Tâm - Lạc Khánh	Lạc Thịnh													1.950	1.950	
20	Đường và cầu qua suối Đĩa ấp Cần Lê đi ngã ba đường QL14C	Lạc Thịnh													1.450	1.450	
21	Đường ấp Thanh Tây đi Bù Núi B, xã Lạc Tấn	Lạc Tấn													2.000	2.000	
22	Đường từ ấp Cần Dứt, xã Lạc Thành đi Đồn BP Tà Pét	Lạc Thành													8.000	8.000	
23	Đường từ QL13 đi ấp 7 xã Lạc Hưng	Lạc Hưng													10.000	10.000	
24	XD đường giao thông liên xã Lạc Hưng - Lạc Khánh	Lạc Hưng - Lạc Khánh													12.000	12.000	
25	Đường từ QL13 đi ấp Bù Núi xã Lạc Tấn	Lạc Tấn													15.000	15.000	
26	Đường liên xã Lạc Thạnh - Lạc Tấn	Lạc Thạnh - Lạc Tấn													8.500	8.500	
27	Đường liên xã Lạc Hưng - Lạc Thịnh	Lạc Hưng - Lạc Thịnh													15.000	15.000	
28	Đường liên xã Lạc Thành - Lạc Thịnh	Lạc Thành - Lạc Thịnh													7.000	7.000	
29	Đường từ Trường THPT Lạc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lạc Hiệp) giai đoạn 2	Lạc Hiệp													10.000	10.000	
30	Đường tổ 5,6 ấp 6, xã Lạc Hưng														2.000	2.000	
31	Cổng bản ấp 4 - 5 xã Lạc Thuận	Lạc Thuận													1.250	1.250	
32	Đường Hoàng Hoa Thám, Trương Công Định, Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Lạc Ninh	TTLN													4.100	4.100	
33	Giao thông hào 06 Chốt Dân quân biên giới	h.LN													1.100	1:100	
34	XD Đường GTNT ấp Cần Đực, xã Lạc Thành đi đường Tà Thiết-Hoa Lư	Lạc Thành													1.200	1.200	
35	XD đường từ QL13 đi ấp 3, xã Lạc Thái (đường vào Trường TH Lạc Thái A mới)	Lạc Thái													3.000	3.000	
36	Thăm BTN nóng QL13 đoạn từ ngã tư biên phòng đến chợ Lạc Ninh	TTLN													9.050	9.050	

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015						Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế giải ngân		Kế hoạch năm		Ước giải ngân		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
37	Thăm BTN nông QL13 đoạn từ chợ Lạc Ninh đến cầu Xa Ngâu	TTLN												7.300	7.300	
38	Hệ thống thoát nước đường Hoàng Hoa Thám, Trương Công Định, Nguyễn Thị Minh Khai	TTLN												900	900	
39	Đường bê tông (Lý Tự Trọng, Trần Hưng Đạo và đường 7/4), thị trấn Lạc Ninh	TTLN												2.100	2.100	
40	XD đường giao thông liên xã Lạc Hưng - Lạc Khánh	Lạc Hưng-Lạc Khánh												11.000	11.000	
41	Đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Lạc Ninh	TTLN												4.000	4.000	
42	Mở rộng đường từ Bến xe Lạc Ninh đi hồ bom làng 10, xã Lạc Thiện	TTLN-Lạc Thiện												10.829	10.829	
43	Đường từ Trường THPT Lạc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lạc Hiệp)	Lạc Hiệp												15.000	15.000	
44	Cầu bà Hành ấp 8, xã Lạc Hòa	Lạc Hòa												2.811	2.811	
45	Đường giao thông ấp Tân Bình 1, xã Lạc Thành	Lạc Thành												6.000	6.000	
46	Đường giao thông liên xã từ ấp Thanh Phú, xã Lạc Thanh đi ấp Thanh Tây, xã Lạc Tấn	Lạc Thanh-Lạc Tấn												12.000	12.000	
47	Đường giao thông tổ 5, ấp 12, xã Lạc Tấn đi thị trấn Lạc Ninh	Lạc Tấn-TTLN												4.923	4.923	
48	Đường giao thông ấp 1B, xã Lạc Tấn đi thị trấn Lạc Ninh	Lạc Tấn-TTLN												3.367	3.367	
III	Công trình giáo dục													76.488	76.488	
1	08 phòng học Trường THCS Lạc Hưng	Lạc Hưng												3.300	3.300	
2	06 phòng học Trường TH thị trấn Lạc Ninh B	TTLN												2.250	2.250	
3	08 phòng học lầu Trường THCS Lạc Hiệp	Lạc Hiệp												5.239	5.239	
4	08 phòng học lầu Trường THCS Lạc Tấn	Lạc Tấn												5.873	5.873	
5	08 phòng học lầu Trường tiểu học Lạc Tấn A	Lạc Tấn												4.000	4.000	
6	08 phòng học lầu Trường tiểu học Lạc Tấn B	Lạc Tấn												3.826	3.826	
7	08 phòng học lầu Trường TH và THCS Lạc Thạnh	Lạc Thạnh												6.000	6.000	
8	XD 16 phòng học lầu Trường THCS Lạc Điền	Lạc Điền												14.500	14.500	
9	XD 04 phòng chức năng Trường THCS Lạc Thuận	Lạc Thuận												3.900	3.900	
10	XD 08 phòng học lầu Trường TH&THCS Lạc Thịnh	Lạc Thịnh												4.500	4.500	
11	XD 06 phòng học lầu và phòng chức năng Trường MG Lạc Thịnh	Lạc Thịnh												5.300	5.300	
12	10 phòng học lầu và phòng chức năng Trường TH Lạc Điền A	Lạc Điền												6.100	6.100	
13	08 phòng học lầu Trường TH Lạc An	Lạc An												4.000	4.000	
14	XD Trường TH Lạc Thái A	Lạc Thái												2.000	2.000	

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015						Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020		Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế giải ngân		Kế hoạch năm		Ước giải ngân		Tổng số			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
15	08 phòng học lầu Trường tiểu học Lộc Điền A	Lộc Điền													3.200	3.200	
16	06 phòng học lầu Trường tiểu học Lộc Thuận A	Lộc Thuận													2.500	2.500	
	Công trình điện														15.900	15.900	
1	Điện THT tổ 3, ấp Thanh Phú, xã Lộc Thạnh	Lộc Thạnh													2.000	2.000	
2	Điện hạ thế tổ 2, ấp Thanh Biên, xã Lộc Thạnh	Lộc Thạnh													1.000	1.000	
3	Điện THT ấp K57, xã Lộc Tấn	Lộc Tấn													3.000	3.000	
4	Điện THT ấp 4A, xã Lộc Tấn	Lộc Tấn													2.000	2.000	
5	Điện tổ 1,2,3,4,5 ấp 9, xã Lộc Điền	Lộc Điền													2.000	2.000	
6	Điện trung hạ thế và TBA tổ 5, ấp Hưng Thủy và tổ 11 ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh	Lộc Thịnh													900	900	
7	Điện trung hạ thế và TBA tổ 11, ấp 8, xã Lộc Điền	Lộc Điền													1.000	1.000	
8	Điện trung hạ thế và TBA tổ 5,6 ấp 8, xã Lộc Thuận	Lộc Thuận													1.000	1.000	
9	Điện tổ 10, ấp Càn Lê, xã Lộc Khánh	Lộc Khánh													500	500	
10	Điện ấp 9, xã Lộc Điền	Lộc Điền													1.400	1.400	
11	Điện tổ 5A - 5B ấp 8, xã Lộc Điền	Lộc Điền													1.100	1.100	
V	Công trình Thủy lợi														11.000	11.000	
1	Trạm bơm ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	Lộc Quang													4.000	4.000	
2	Kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	Lộc An													3.000	3.000	
3	Kênh bê tông ấp Quyết Thành, xã Lộc Khánh (sau N7)	Lộc Khánh													2.000	2.000	
4	Kênh bê tông thủy lợi Tà Tê, xã Lộc Thành	Lộc Thành													2.000	2.000	